TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24-8-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Tiếp.

2. Bà Dương Thị Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Liếng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Thị N, sinh năm 1994, địa chỉ cư trú: Khóm C, phường L, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (Có đơn vắng mặt).

- *Bị đơn*: Trần Văn D, sinh năm 1985, địa chỉ cư trú: Ấp B, xã A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (Có đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 6 năm 2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày: Vào năm 2011, chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn D, có sống chung với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống có một con chung tên là Trần Văn Minh H, sinh ngày 07-12-2012. Thời gian đầu chung sống với nhau giữa chị N và anh D có hạnh phúc, đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm không còn hòa hợp, cảnh bất hòa xảy ra liên tục, tình cảm vợ chồng đi dần rạn nứt không thể hàn gắn được.

Nay chị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng giải quyết: Về hôn nhân, chị Nguyễn Thị N yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Văn D. Về con chung, chị N đồng ý giao con chung tên Trần Văn Minh H, sinh ngày 07-12-2012 cho anh D nuôi dưỡng, vì hiện nay cháu H đang sống chung với anh D và chị N không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và đơn đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Văn D trình bày: Anh D thống nhất theo lời trình bày của chị N. Về hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung. Về hôn nhân, vào năm 2011, anh D và chị N có sống chung với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống đến năm 2014 chị N có người khác nên muốn ly hôn với anh D (anh D cho rằng chỉ biết thông qua người khác nói chứ không có chứng cứ, chứng minh việc chị N có người khác). Do đó, về hôn nhân thống nhất ly hôn với chị N. Về con chung, anh D đồng ý nuôi dưỡng con chung tên Trần Văn Minh H, sinh ngày 07-12-2012, vì hiện nay cháu H đang sống chung với anh D và anh D không yêu cầu chị N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự:

Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn (chị N) và bị đơn (anh D) vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh D.

[2] Về hôn nhân: Từ năm 2011 đến nay, chị N và anh D chung sống với nhau như vợ chồng và không đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân của anh, chị là không hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý". Do đó, việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa chị N và anh D không có đăng ký kết hôn nên không công nhận chị N và anh D là vợ chồng theo quy định tại Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N và anh D có một con chung tên Trần Văn Minh H, sinh ngày 07-12-2012, chị N đồng ý giao cháu Minh H cho anh D nuôi dưỡng, vì hiện nay cháu Minh H đang sống chung với anh D và chị N không cấp dưỡng nuôi con. Ý kiến của anh D thống nhất có một con chung tên Trần Văn Minh H và đồng ý nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng

nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay cháu Minh H đang sống chung với anh D. Vì vậy, sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận giao con chung Trần Văn Minh H, sinh ngày 07-12-2012 cho anh D nuôi dưỡng. Anh D không yêu cầu chị N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: "Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn". Vậy, chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh Trần Văn D không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn D là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh Trần Văn D tiếp tục được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Văn Minh H, sinh ngày 07-12-2012 (hiện nay cháu H đang sống chung với anh D). Chị Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: BG/2015 0001896 ngày 18-6-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp; chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Trần Văn D không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bé Hương